

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày: 24/7/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh và ông Phan Quang
Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 58/2024/QĐDS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐ-DS ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1984 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn B, T, H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà **Hồ Thị Huyền C**, sinh năm: 1983 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn B, T, H, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố B, T, H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Ngày 13/5/2023, bà C vay của bà số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Các bên không thoả thuận lãi suất. Thời hạn trả nợ là ngày 13/12/2023. Đến hạn, bà nhiều lần yêu cầu bà C phải trả nợ nhưng bà C không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu bà C phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu bà C phải trả lãi.

Tại phiên toà bà H trình bày các bên có thoả thuận miệng về việc trả lãi, mỗi tháng bà C phải trả lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thực tế, sau khi vay bà C có trả cho bà 02 tháng tiền lãi, mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Từ đó đến nay ngưng không trả lãi. Bà xác định số tiền lãi các bên thoả thuận là vượt quá mức 20%/năm theo quy định, nên đề nghị Toà án khấu trừ số tiền lãi bà C đã trả dư vào nợ gốc. Đề nghị Toà án buộc bà C phải trả cho bà số tiền gốc là 34.159.722đ (Ba mươi bốn triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng). Không yêu cầu bà C phải trả lãi. Bà chỉ khởi kiện bà C có nghĩa vụ trả nợ cho bà.

- Bị đơn bà Hồ Thị Huyền C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình giải quyết có ý kiến trình bày: Ông và bà C là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 118/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Hàm Tân. Việc vay mượn tiền giữa bà C và bà H ông không hề biết, số tiền vay cũng không được bà C sử dụng cho việc chi tiêu, nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, việc khởi kiện của bà H không liên quan gì đến ông.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên toà sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện theo quy định; Bị đơn chưa thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Hồ Thị Huyền C phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 34.159.722đ (Ba mươi bốn triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị Huyền C phải có trách nhiệm trả nợ vay nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bị đơn bà Hồ Thị Huyền C có nơi cư trú tại thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Hồ Thị Huyền C đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng cho bà C, có lần bà C trực tiếp nhận, có lần bà C ở nhà nhưng đóng công từ chối làm việc với Tòa án. Do đó, có căn cứ để xác định bà C đã biết việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Chi trả số tiền nợ 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

[5] Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Đồng thời, Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án*”. Bà C đã biết việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn, đương sự khác cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã giao nộp giấy mượn tiền lập ngày 13/5/2023 thể hiện nội dung bà C vay của nguyên đơn số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), thời hạn trả nợ là ngày 13/12/2023, có chữ ký của bà C. Xét thấy, chứng cứ của nguyên đơn giao nộp có chữ ký xác nhận của bà Hồ Thị Huyền C, nên đủ căn cứ để khẳng định có việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn.

[7] Nguyên đơn trình bày từ khi vay đến nay, bà C chưa thanh toán nợ gốc cho nguyên đơn. Bản thân bị đơn cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện đã thanh toán nợ cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận bị đơn có thanh toán tiền lãi trong 02 tháng, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), khấu trừ số tiền lãi bà Chi t dư, đề nghị Tòa án buộc bà C phải trả số tiền gốc là 34.159.722đ (Ba mươi bốn triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng). Xét thấy, các bên không thoả thuận lãi trong hợp đồng vay, bị đơn không trình bày ý kiến về vấn đề lãi. Tuy nhiên, việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, nhưng thừa nhận bị đơn có trả lãi và đề nghị khấu trừ số tiền bị đơn trả dư vào nợ gốc là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Lãi suất cần phải được điều chỉnh lại theo mức 20%/năm. Số tiền nợ gốc còn lại sau khi

HĐXX khấu trừ là 34.159.722đ (Ba mươi bốn triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng). Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với lãi trên nợ gốc trong hạn; lãi chậm trả đối với số tiền lãi nêu trên, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với lãi trên nợ gốc quá hạn, nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn phải trả lãi trong khoảng thời gian kể từ sau ngày 13/12/2023 cho đến ngày phía trước liền kề ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn phải chịu lãi theo quy định trên số tiền chưa thanh toán. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận.

[9] Mặc dù khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà C và ông T, tuy nhiên, nguyên đơn xác định khi vay tiền chỉ có bà C vay. Người có quyền lợi nghĩa vụ quan ông T cũng xác định ông không hề biết việc vay mượn, bà C cũng không sử dụng số tiền vay vào mục đích chi tiêu, nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Bản thân bà C cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án về vấn đề này. Do đó, căn cứ vào lời trình bày của bà H, ông T, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc bà C phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H mà không buộc ông T phải có nghĩa vụ liên đới.

[10] Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hồ Thị Huyền C phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số nợ gốc là 34.159.722đ (Ba mươi bốn triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng).

[11] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị Thu H đối với bà Hồ Thị Huyền C.

Buộc bà Hồ Thị Huyền C phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền **34.159.722đ** (Ba mươi bốn triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền 875.000 đồng (T1 trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai số 0010728 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

- Bà Hồ Thị Huyền C phải chịu 1.707.986 đồng (Một triệu, bảy trăm lẻ bảy nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

